MÔN HỌC
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Copyright © 2009 by UEF

CHUYÊN ĐỀ 3
TÀI KHOẢN VÀ GHI NHẬN NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH

Chu trình kế toán

Bước 1 — Xác định nghiệp vụ kinh tế

Bước 2 — Ghi nhận ảnh hưởng của NVKT

Bước 3 — Lập các bút toán điều chỉnh

Bước 4 — Lập các bút toán khóa sổ
Lập các báo cáo tài chính

Bước 1: Xác định nghiệp vụ kinh tế

Nghiệp vụ hay sự kiện ?

- **Ký hợp đồng kinh tế ?**
- **Vay tiền ngân hàng ?**
- **Quyết định tăng lương cho nhân viên ?**

Bước 2: Ghi nhận nghiệp vụ kinh tế

- Phân tích ảnh hưởng của NVKT
- Ghi nhận NVKT vào sổ tổng hợp
- Ghi nhận NVKT vào sổ chi tiết

Phân tích ảnh hưởng của NVKT

TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + VỐN CHỦ SỞ HỮU

Phân tích ảnh hưởng của NVKT

	TS	=	NPT	+	V
Chủ sở hữu đầu tư	↑				↑
Thanh toán nợ vay	↓		↓		
Mua thiết bị bằng tiền	↑↓				
Vay tiền thanh toán nợ phải trả			↑↓		

Tài khoản

Là 1 cơ sơ dữ liệu lưu trữ thông tin của từng đối tượng kế toán cụ thể.

Tên Tài khoản

Nợ	**Có**

Tài khoản

TS = N + V

Nợ TS	Có
SDĐK	
SPS Tăng	**SPS Giảm**
SDCK	

Nợ N V	Có
	SDĐK
SPS Giảm	**SPS Tăng**
	SDCK

Tài khoản

TS	
Nợ	Có
+	–

=

NPT	
Nợ	Có
–	+

+

Vốn	
Nợ	Có
–	+

Vốn KD	
Nợ	Có
–	+

Lợi nhuận chưa PP	
Nợ	Có
–	+

Chi phí	
Nợ	Có
+	–

Doanh thu	
Nợ	Có
–	+

Hệ thống Tài khoản

Mã số	Loại tài khoản
1	Tài sản ngắn hạn
2	Tài sản dài hạn
3	Nợ phải trả
4	Vốn chủ sở hữu
5	Doanh thu
6	Chi phí
7	Thu nhập khác
8	Chi phí khác
9	Xác định kết quả

PHAÂN LOAÏI TAØI KHOAÛN

TAØI KHOAÛN THUOÄC BAÛNG CAÂN ÑOÁI KEÁ TOAÙN

TK Taøi saûn

DĐK	
Tăng	**Giảm**
DCK	

Bảng cân đối kế toán

Tài sản	**Nguồn vốn**

TK nguồn vốn

	DĐK
Giảm	**Tăng**
	DCK

DCK = DĐK + PS nợ - PS có

DCK = DĐK +PS có - PS nợ

PHÂN LOẠI TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN THUỘC BÁO CÁO KQHĐKD

TK Chi phí

Tập hợp chi phí	Kết chuyển chi phí

TK Xác định kết quả

Chi phí	Thu nhập
Lãi	Lỗ

TK Thu nhập

Kết chuyển thu nhập	Tập hợp thu nhập

Mối quan hệ giữa các TK thuộc báo cáo KQKD

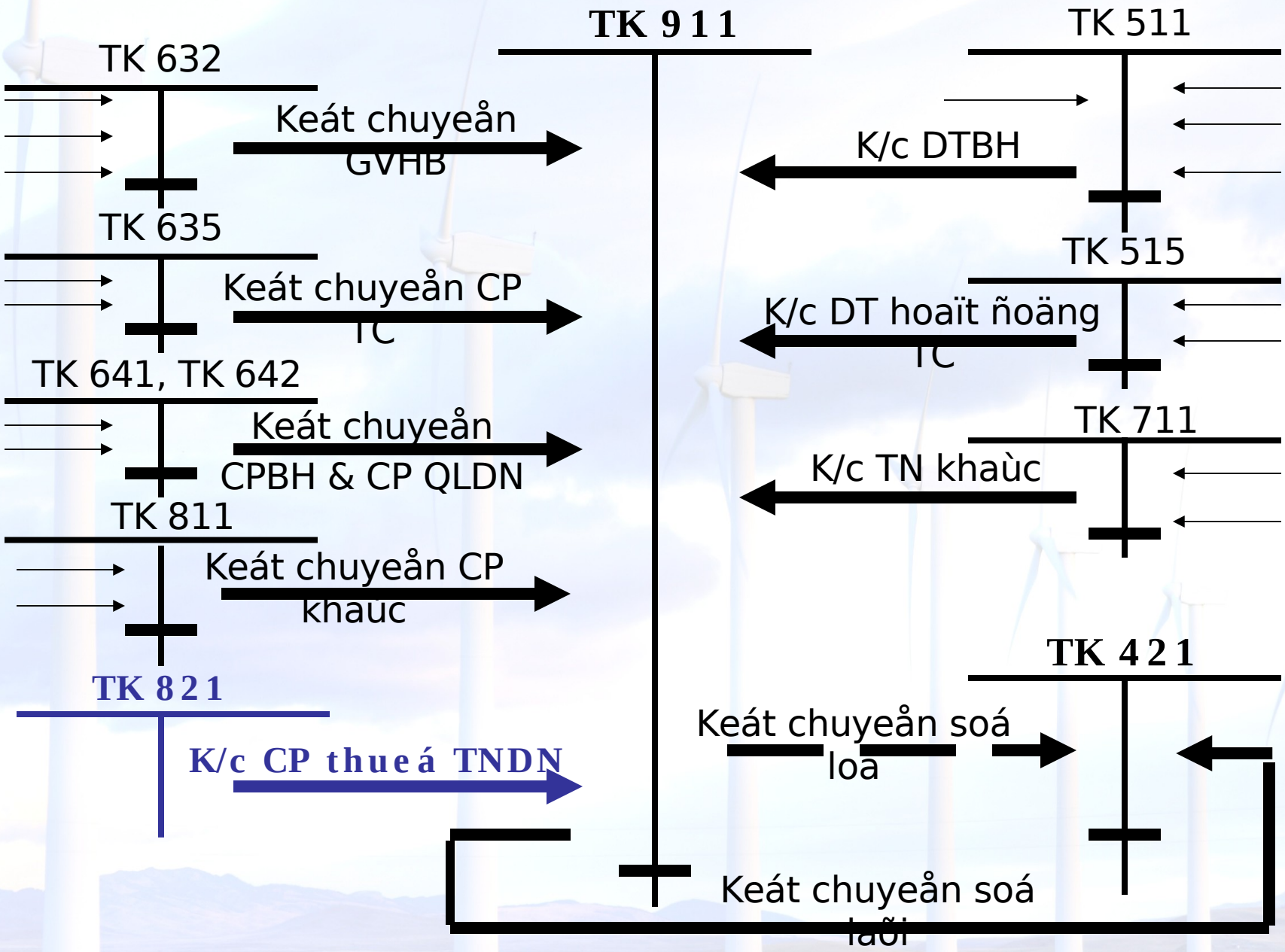

Nguyên tắc Ghi sổ kép

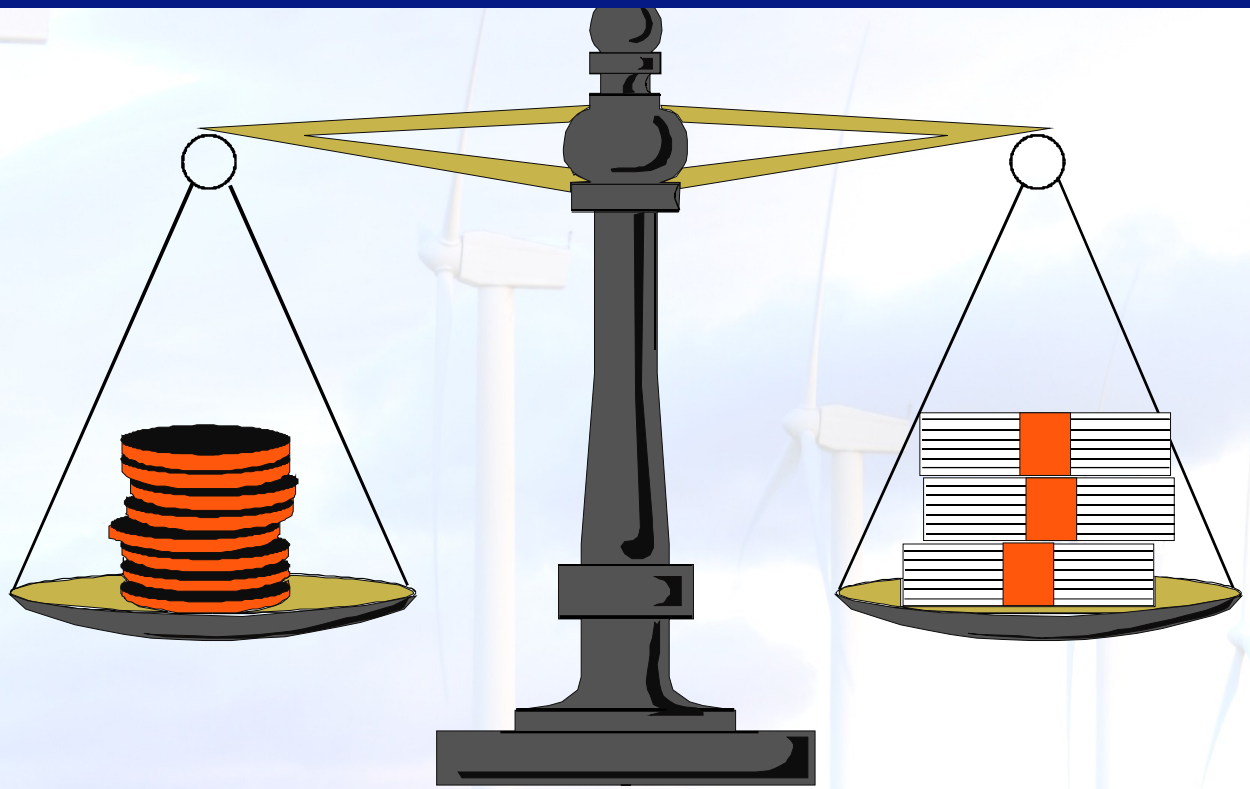

Một NVKT phát sinh ảnh hưởng ít nhất đến 2 TK với đối ứng nợ, có bằng nhau.

Tổng SPS Nợ = Tổng SPS Có

Phân tích ảnh hưởng của NVKT

- **Các tài khoản có liên quan?**
- **Tài khoản tăng hay giảm? Nợ, Có ?**
- **Số tiền?**

❶ Ngày 2.1: Ông Lộc đầu tư 800 tr.đ tiền mặt thành lập trung tâm dịch vụ bảo trì xe ô-tô “MWM”.

Vốn KD
tăng hay giảm ?
Nợ ? Có ?

Tiền
tăng hay giảm?
Nợ ? Có?

Nguồn vốn kinh doanh	
	800 2/1

Tiền mặt	
2/1 800	

❷ Ngày 5.1: Mua 1 số trang thiết bị sửa chữa của công ty A 360 tr.đ chưa thanh toán.

Phải trả cho người bán tăng hay giảm?
Nợ ? Có ?

Trang thiết bị tăng hay giảm ?
Nợ ? Có?

Phải trả cho người bán	
	360 5/1

TSCĐHH	
5/1 360	

❸Ngày 20.1: Mua 1 số phụ tùng sửa chữa của công ty B 30 tr.đ. thanh toán sau 30 ngày

Phải trả người bán tăng hay giảm

Nợ ? Có ?

Phụ tùng sửa chữa tăng hay giảm?

Nợ ? Có?

Phải trả cho người bán	
	30 11/1

Hàng hóa	
11/1 30	

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trang 9

Ngày	Nghiệp vụ	TKĐỨ	Nợ	Có
2.1	Chủ DN đầu tư			
	Nợ TK Tiền mặt	111	800	
	Có TK Vốn đầu tư	411		800
5.1	Mua trang thiết bị trả chậm			
	Nợ TK TSCĐ HH	211	360	
	Có TK Phải trả NB	331		360
20.1	Mua phụ tùng trả chậm			
	Nợ TK Hàng hóa	156	30	
	Có TK Phải trả NB	331		30

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Số hiệu: 331

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			**0**
05.1.2009	**203**	**05.1.2009**	**Mua trang thiết bị**	**211**		**360**
20.1.2009	**304**	**20.1.2009**	**Mua phụ tùng**	**156**		**30**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			**390**

SỔ CHI TIẾT

Năm 2009

Tên người bán: Công ty A

Trang 1

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ NK chung	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày				Nợ	Có
05.01.2009	**203**	**5.1.09**	**SỐ DƯ ĐẦU KỲ** **Mua thiết bị**	**1**	**211**		**0** **360**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ				**360**

SỔ CHI TIẾT

Năm 2009

Tên người bán: Công ty B

Trang 1

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ NK chung	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày				Nợ	Có
20.01.2009	**304**	**20.1.09**	**SỐ DƯ ĐẦU KỲ** **Mua phụ tùng**	**1**	**156**		**0** **30**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ				**30**

Moái quan heä:
KT toảng hôïp – KT chi tieát

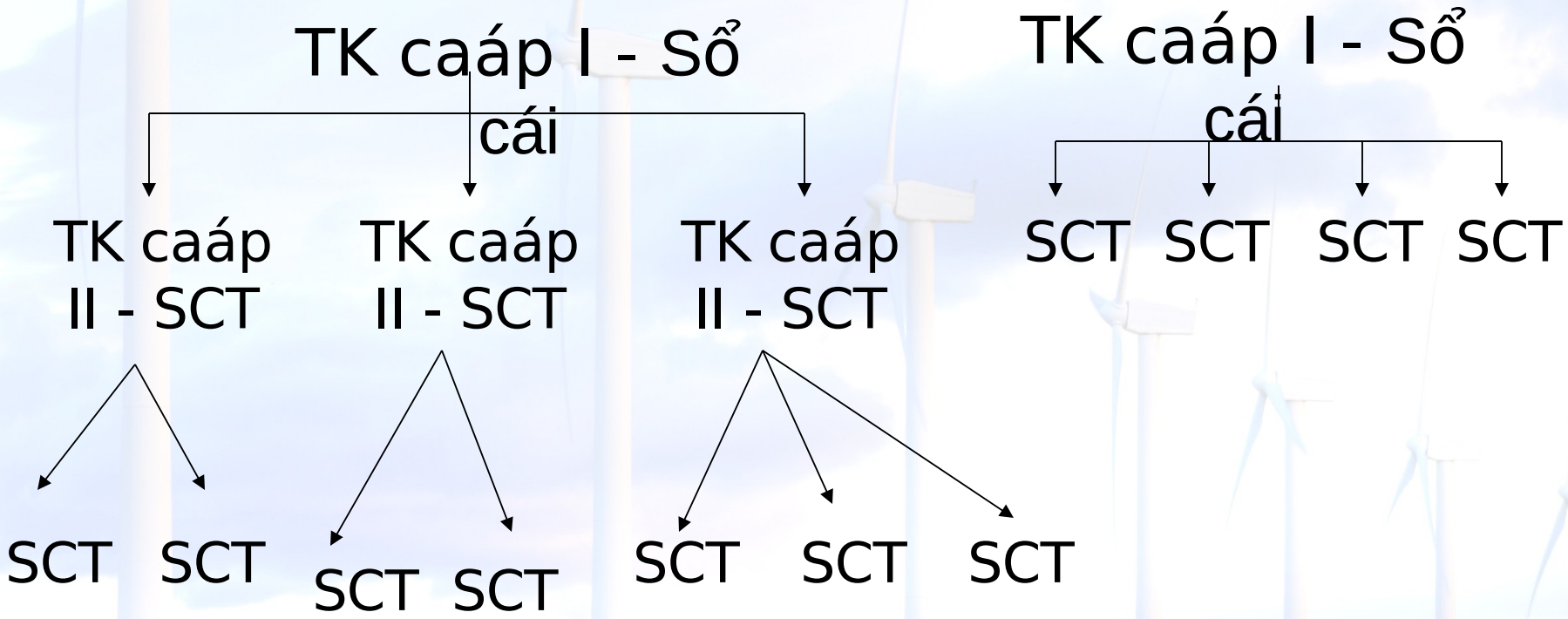

Moái quan heä:
KT toảng hôïp – KT chi tieát

- Khi ghi chép các NVKT phát sinh, phải ghi chép đồng thời trên TK cấp I, TK cấp II, cấp III và các sổ chi tiết có liên quan

Số dư TK tổng hợp = tổng SD các TK chi tiết thuộc nó

SPS trên TK tổng hợp = tổng SPS các TK chi tiết thuộc nó

Ví dụ (TK tiền mặt)

Tồn quỹ tiền mặt đầu tháng 1/2005 là 100.000.000 .

Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt như sau:

1. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 25.000.000
2. Chi tiền mặt trả nợ người bán 20.000.000
3. Chi tiền mặt mua nguyên vật liệu 22.000.000
4. Nộp tiền mặt vào ngân hàng 24.000.000

YC: Ghi sổ kép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

.

Ví dụ (TK vay ngắn hạn)

Khoản vay ngắn hạn đầu tháng 1/2005 là 200.000.000. Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến khoản vay ngắn hạn như sau:

1. **Vay ngắn hạn trả nợ cho người bán 60.000.000**
2. **Chi tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn 170.000.000**
3. **Mua NVL nhập kho thanh toán bằng khoản vay ngắn hạn 130.000.000**

YC: Ghi sổ kép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ví duï

Một doanh nghiệp sản xuất, có tài liệu về tình hình kinh doanh trong quý 1/2005 như sau:

Số lượng sản phẩm tiêu thụ là 18.000 sản phẩm, giá vốn/giá thành xuất kho là 100.000đ/sp, giá bán 120.000đ/sp, thu tiền mặt.

Thu lãi tiền gửi ngân hàng: 2.400.000đ

Thu nhập khác bằng tiền mặt : 12.000.000, chi phí khác bằng TGNH : 23.000.000đ

Chi phí bán hàng tập hợp được là 43.000.000đ, chi phí quản lý doanh nghiệp là 57.000.000đ

Yêu cầu: Phản ánh tình hình trên vào tài khoản phản ánh các quá trình kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh.

HẾT PHẦN 3